

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 609A/QĐ-ĐHTT ngày 21 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

Tên chương trình: Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

Mã ngành : 7340103

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo Cử nhân Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành trình độ đại học có phẩm chất đạo đức tốt, thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có lòng yêu nước và tự hào dân tộc, có phong cách làm việc khoa học, có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học quản lí, khoa học quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, có kiến thức, kĩ năng chuyên sâu trong một số lĩnh vực của hoạt động kinh doanh du lịch, có khả năng lập nghiệp và tổ chức hoạt động kinh doanh, hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp, có trách nhiệm, ý thức giữ gìn, bảo vệ, phát huy nguồn tài nguyên sinh thái và những giá trị nhân văn cao đẹp trong hoạt động du lịch.

2. Chuẩn đầu ra

Người học tốt nghiệp Cử nhân ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành phải đạt được các yêu cầu sau:

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học quản lí, khoa học quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; kiến thức cơ bản phục vụ cho việc tổng hợp, phân tích, luận giải các vấn đề liên quan tới kinh tế, tổ chức, quản lí, quản trị kinh doanh du lịch và lữ hành.
CDR 2	Hiểu về chiến lược du lịch bền vững để giảm thiểu các tác động tiêu cực cũng như tối đa hóa các tác động tích cực trong du lịch, hiểu những nguyên tắc cơ bản trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch có chất lượng, thoả mãn nhu cầu khách hàng, đảm bảo phát triển du lịch bền vững; hiểu những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam và thế giới; hiểu những kiến thức liên ngành về văn hóa - xã hội, chính trị, luật pháp, địa lí, lịch sử, kinh tế, khoa học công nghệ... và biết ứng

	dụng trong nghiên cứu, kinh doanh du lịch, để góp phần tích cực vào phát triển du lịch một cách bền vững; các vấn đề, giá trị, xu hướng của du lịch trong thời kì mới và bối cảnh kinh tế toàn cầu và hội nhập quốc tế; mối quan hệ giữa doanh nghiệp du lịch với các cơ quan quản lí, đặc biệt là với Sở và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
CDR 3	Hiểu kiến thức cơ bản của một trong ba chuyên ngành: Quản trị Lữ hành, Quản trị Khách sạn, Quản trị Sự kiện.
CDR 4	Hiểu những kiến thức hỗ trợ để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lí; có trình độ tiếng Anh/ tiếng Trung tương đương với chứng chỉ B; có trình độ Tin học tương đương với chứng chỉ B và cách thức ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
Về kĩ năng	
<i>Kĩ năng cứng</i>	
CDR 5	Biết lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai; biết sắp xếp, giám sát và điều hành công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất; biết vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tiễn xây dựng, tổ chức chương trình du lịch, điều hành du lịch, hướng dẫn, đón, tiễn, lễ tân, phục vụ trong nhà hàng khách sạn, tổ chức sự kiện...; biết ứng xử chuyên nghiệp, tạo dựng mối quan hệ với đồng nghiệp, đối tác; biết phân loại, tiếp cận, thuyết phục và chia sẻ với khách hàng, chăm sóc khách hàng và các đối tác trong dịch vụ du lịch; biết tìm tòi, phát hiện, điều chỉnh, phát triển, sáng tạo cái mới như: xây dựng sản phẩm mới trong quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, xây dựng ý tưởng, thiết kế sự kiện...
CDR 6	Biết vận dụng linh hoạt kĩ năng đặt mục tiêu, định hướng hành động, thực hiện mục tiêu trong nghề nghiệp, kĩ năng tạo động lực làm việc cho bản thân và đồng nghiệp trong quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; biết giao tiếp tốt bằng ngôn ngữ, giao tiếp phi ngôn ngữ, giao tiếp qua thư điện tử và các phương tiện truyền thông với khách hàng, đồng nghiệp, đối tác... trong nghề nghiệp.
CDR 7	Có kĩ năng cơ bản về quản trị một trong ba chuyên ngành: Quản trị Lữ hành, Quản trị Khách sạn, Quản trị Sự kiện.
<i>Kĩ năng mềm</i>	
CDR 8	Biết ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng máy móc, trang thiết bị làm việc (như: các phần mềm cơ bản, các thiết bị nghe, nhìn...) phục vụ công việc chuyên môn; biết linh hoạt sử dụng tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Du lịch và Lữ hành, Quản trị Khách sạn và Quản trị Sự kiện.
CDR 9	Biết làm việc độc lập, làm việc nhóm; biết xử lí tình huống, phân tích và giải quyết những vấn đề nảy sinh liên quan đến nghề nghiệp; có kĩ năng tự học và tự nghiên cứu để nâng cao kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ; có kĩ năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 10	Có lập trường tư tưởng vững vàng, tư cách đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, yêu quê hương, đất nước, nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có ý thức trách nhiệm công dân.
CDR 11	Biết trân trọng các di sản văn hóa dân tộc; có ý thức giữ gìn, bảo vệ và phát huy nguồn tài nguyên nhân văn và sinh thái trong hoạt động du lịch; biết tuân thủ luật pháp Việt Nam và các nước trong việc xây dựng hợp đồng và tổ chức du lịch.

CDR 12	Có những phẩm chất nghề nghiệp cần thiết như: tính trung thực, tự giác, tự tin, thái độ tận tụy phục vụ, tinh thần tương trợ đồng nghiệp khi thực hiện công việc, có trách nhiệm với công việc, cộng đồng, xã hội, có ý thức bảo vệ môi trường, ý thức tổ chức kỉ luật tốt, có tinh thần vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ; phong cách làm việc khoa học; năng động, sáng tạo, khiêm tốn, cầu tiến trong học tập và trong công việc.
Về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	
CDR 13	Làm hướng dẫn viên du lịch, nhân viên điều hành du lịch hoặc chuyên viên phụ trách các bộ phận lưu trú, tiếp thị, chăm sóc khách hàng, quản trị - điều hành - thiết kế tour, tổ chức hội nghị - sự kiện... tại các doanh nghiệp du lịch, lữ hành, các doanh nghiệp tổ chức sự kiện, truyền thông trong cả nước; làm việc tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch (điều hành, bán vé, phục vụ...); các dự án du lịch cộng đồng, bộ phận lễ tân của các doanh nghiệp, làm thuyết minh viên tại các khu du lịch, bảo tàng, di tích..., làm tại bộ phận lễ tân, phục vụ, quản lí tại các khách sạn, các cơ sở kinh doanh ăn uống, vui chơi, giải trí trên cả nước.
CDR 14	Công tác tại các sở, ban, ngành về Du lịch như: Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch, các Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch, các Ban quản lí di tích...; giảng dạy tại những cơ sở đào tạo, làm nghiên cứu viên tại viện nghiên cứu về quản trị dịch vụ du lịch lữ hành.
CDR 15	Có thể phát triển khả năng kinh doanh độc lập thông qua việc thành lập công ty kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành của cá nhân.
Về khả năng phát triển nâng cao trình độ	
CDR 16	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tiếp tục học liên thông ở các ngành gần hoặc bậc học cao hơn.
CDR 17	Có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu của xã hội; có khả năng sáng tạo, phát triển, dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp du lịch.

3. Ma trận các học phần và chuẩn đầu ra

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																	
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng					Thái độ	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	Khả năng HT NC TD						
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	Cứng			Mềm				CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17		
						CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9									
A. Kiến thức GD đại cương																			
I. Lí luận chính trị																			
LL2.1.001.2	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2				1				1	1			1				1	1
LL2.1.002.3	Những nguyên lí cơ bản của CN	2				1				1	1			1				1	1

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng					Thái độ	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp			Khả năng HT NC TĐ			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	Cứng			Mềm			CĐR13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR17		
						CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9								
	Mác – Lênin 2																	
LL2.1.003.2	TT Hồ Chí Minh	2				1				1	1			1			1	1
LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	2				1				1	1			1			1	1
II. Khoa học Xã hội – Nhân văn - Nghệ thuật																		
VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1			1	1			1		1		1			1	1
TL2.1.001.2	Tâm lí học ĐC	2	1			1	1			1			1	1			1	1
KT2.1.079.2	Kinh tế học ĐC	2	1		1	1	1			1				1		1	1	1
XH2.1.001.2	Tiếng Việt TH	2				1				1							1	1
LL2.1.010.2	Xã hội học ĐC	2	1			1				1	1						1	1
LL2.1.007.2	Pháp luật ĐC	2	1			1				1	1						1	1
VD2.1.101.2	PP nghiên cứu khoa học ngành Quản trị DV Du lịch và Lữ hành	2	2			1				1				1			1	1
VD2.1.068.2	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2	1			1	1			1		1		1			1	1
III. Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)																		
<i>III.1. Tiếng Anh</i>																		
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1				2		1		1	1			1		1	1	1	1
NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2				2		1		1	1			1		1	1	1	1
NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3				2		1		1	1			1		1	1	1	1
NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4				2		1		1	1			1		1	1	1	1
<i>III.2. Tiếng Trung</i>																		
NN2.1.005.3	Tiếng Trung 1				2		1		1	1			1	1	1	1	1	1
NN2.1.006.2	Tiếng Trung 2				2		1		1	1			1	1	1	1	1	1

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra															
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng					Thái độ	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp			Khả năng HT NC TD		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	Cứng			Mềm			CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	
						CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9							
NN2.1.007.2	Tiếng Trung 3				2	1		1	1			1	1	1	1	1	1
NN2.1.008.3	Tiếng Trung 4				2	1		1	1			1	1	1	1	1	1
IV. Tin học – Khoa học Tự nhiên – CN môi trường																	
TN2.1.501.2	Tin học đại cương				2			2	1			1	1	1	1	1	1
V. Giáo dục thể chất																	
<i>V.1. Học phần bắt buộc</i>																	
TC2.1.001.2	GD Thể chất 1 (Bơi lội 1)	2							1			1	1	1	1	1	1
<i>V.2. Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 8 học phần)</i>																	
TC2.1.002.3	GD Thể chất 2 (Bóng đá 1)	2							1			1	1	1	1	1	1
TC2.1.003.3	GD Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	2							1			1	1	1	1	1	1
TC2.1.004.3	GD Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	2							1			1	1	1	1	1	1
TC2.1.005.3	GD Thể chất 2 (Cầu lông 1)	2							1			1	1	1	1	1	1
TC2.1.006.3	GD Thể chất 2 (Võ thuật 1)	2							1			1	1	1	1	1	1
TC2.1.007.3	GD Thể chất 2 (Điền kinh 1)	2							1			1	1	1	1	1	1
TC2.1.017.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	1							1			1	1	1	1	1	1
TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2)	1							1			1	1	1	1	1	1
<i>V.3. Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 8 học phần)</i>																	
TC2.1.008.2	GD Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2							1			1	1	1	1	1	1
TC2.1.009.2	GD Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2							1			1	1	1	1	1	1

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																	
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng					Thái độ	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp			Khả năng HT NC TD				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	Cứng			Mềm			CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17
						CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9									
<i>III.1. Chuyên ngành Quản trị Lữ hành</i>																			
<i>III.1.1. Học phần bắt buộc</i>																			
NN2.1.009.4	Tiếng Anh CN Lữ hành 1			2		1	1	1	2	1			1	2	1	1	1	1	1
NN2.1.010.3	Tiếng Anh CN Lữ hành 2			2		1	1	1	2	1			1	2	1	1	1	1	1
VD2.1.015.2	Tuyển điểm du lịch Việt Nam			2	1	2	1	2		1		1		2	1	1	1	1	1
VD2.1.016.2	Nghiệp vụ lữ hành			2		2	1	2		2			1	2	1	1	1	1	1
VD2.1.017.2	Hướng dẫn du lịch			2		2	1	2		2			1	2	1	1	1	1	1
KT2.1.117.2	Quản trị kinh doanh lữ hành			2	1	1	1	2		1			1	2	2	2	2	2	1
<i>III.1.2. Học phần tự chọn (Chọn 14/18 tín chỉ)</i>																			
VD2.1.019.2	Xúc tiến du lịch			2		1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.020.2	Du lịch sinh thái			2		1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.021.2	Du lịch văn hóa			2	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.037.2	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch			2	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.023.2	DG công cộng			2		1	2	2					1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lí du lịch cộng đồng			2	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.025.2	Kiến trúc, mỹ thuật truyền thống			2	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc			2	1	1	1	2	1	1		2	1	2	1	1	1	1	1
<i>III.2. Chuyên ngành Quản trị Khách sạn</i>																			
<i>III.2.1. Học phần bắt buộc</i>																			
NN2.1.011.4	Tiếng Anh CN Khách sạn 1			2		1	1	1	2	1			1	2	1	1	1	1	1

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																	
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng					Thái độ	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp			Khả năng HT NC TD				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	Cứng			Mềm			CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17
						CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9									
NN2.1.012.3	Tiếng Anh CN Khách sạn 2			2		1	1	1	2	1			1	2	1	1	1	1	
VD2.1.027.2	Quản trị lễ tân và buồng			2	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
VD2.1.028.2	Quản trị thực phẩm và đồ uống			2	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
KT2.1.115.2	Quản trị kinh doanh khách sạn			2	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
KT2.1.116.2	Kinh doanh dịch vụ bổ sung			2	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
<i>III.2.2. Học phần tự chọn (Chọn 14/20 tín chỉ)</i>																		1	1
VD2.1.030.2	Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực Việt Nam			2	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.019.2	Xúc tiến du lịch			2		1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.037.2	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch			2	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.023.2	DG công cộng			2		1	2	2					1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.015.2	Tuyến điểm du lịch Việt Nam			2	1	2	1	2		1		1		2	1	1	1	1	1
VD2.1.016.2	Nghiệp vụ lữ hành			2		2	1	2		2			1	2	1	1	1	1	1
KT2.1.117.2	Quản trị kinh doanh lữ hành			2	1	1	1	2		1			1	2	2	2	1	1	1
VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lí du lịch cộng đồng			2		1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc			2		1	1	2	1	1		2	1	2	1	1	1	1	1
<i>III.3. Chuyên ngành Quản trị Sự kiện</i>																			
<i>III.3.1. Học phần bắt buộc</i>																			
NN2.1.013.3	Tiếng Anh du lịch			2		1	1	1	2	1			1	2	1	1	1	1	1

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																	
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng					Thái độ	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp			Khả năng HT NC TĐ				
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	Cứng			Mềm			CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR17
						CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9									
<i>tổng hợp)</i>																			
VD2.1.038.4	Thực tập 1 (Thực tập tổng hợp)	1	2			2	2		1	2	1	2	2	2	2	1	2	2	
<i>IV.2. Thực tập 2 (Thực tập 1/3 chuyên ngành)</i>																			
VD2.1.039.4	Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị Lữ hành)	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1	
VD2.1.040.4	Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị Khách sạn)	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1	
VD2.1.041.4	Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị Sự kiện)	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1	
<i>IV.3. Thực tập 3 (Thực tập tốt nghiệp)</i>																			
VD2.1.042.4	Thực tập 3 (Thực tập tốt nghiệp)	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1	
V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp																			
<i>V.1. Khóa luận tốt nghiệp</i>																			
VD2.1.043.6	Khóa luận TN	1	2	2		1	1	1	1	2	1	2	2	1	2	1	2	1	
<i>V.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>																			
XH2.1.069.3	Tài nguyên và kinh doanh du lịch		2			1	1	1	1	2	1	2	2	1	1	1	1	1	
VD2.1.045.3	Quản lí và bảo vệ môi trường du lịch		2			1	1	1	1	2	1	2	2	1	1	1	1	1	

4. Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kì).

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 128 tín chỉ (không kể các học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

6. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh có hộ khẩu thường trú tại Tuyên Quang và các tỉnh, thành phố trên phạm vi toàn quốc và có đủ yêu cầu: tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương; đảm bảo sức khỏe để học tập và công tác lâu dài.

- Phương thức tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo các văn bản sau:

Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo quyết định số QĐ 1838/QĐ-ĐHTT ngày 28/9/2015, được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 660/QĐ-ĐHTTTr ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

8. Thang điểm

Thực hiện theo các văn bản sau:

Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo quyết định số QĐ 1838/QĐ-ĐHTT ngày 28/9/2015, được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 660/QĐ-ĐHTTTr ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

9. Nội dung chương trình

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Loại học phần	
				LT	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
A. Kiến thức giáo dục đại cương			36					
I. Lí luận chính trị			10					
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	21	9		x	
2	LL2.1.002.3	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	31	14		x	
3	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9		x	

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Loại học phần	
				LT	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
4	LL3.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	31	14		x	
II. KH Xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật			16					
5	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	15		15	x	
6	TL2.1.001.2	Tâm lí học đại cương	2	15	15		x	
7	KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương	2	15	15		x	
8	XH2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành	2	13	17		x	
9	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương	2	15	15		x	
10	XH2.1.068.2	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2	15	15		x	
11	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	15	15		x	
12	VD2.1.101.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	2	15	15		x	
III. Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)			10					
III.1. Tiếng Anh			10					
13	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	21	24		x	
14	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	2	15	15		x	
15	NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	2	15	15		x	
16	NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4	3	21	24			
III.2. Tiếng Trung			10					
17	NN2.1.005.3	Tiếng Trung 1	3	30	15		x	
18	NN2.1.006.2	Tiếng Trung 2	2	23	7		x	
19	NN2.1.007.2	Tiếng Trung 3	2	15	15		x	
20	NN2.1.008.3	Tiếng Trung 4	3	20	25			
IV. Tin học			02					
21	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15		x	

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Loại học phần	
				LT	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
V. Giáo dục Thể chất			07					
V1. Học phần bắt buộc								
22	TC2.1.001.2	Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1)	2	6		24	x	
V2. Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 8 học phần)								
23	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4		41		x
24	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	4		41		x
25	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	4		41		x
26	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	4		41		x
27	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2		43		x
28	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	4		41		x
29	TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2)	3	3		42		x
30	TC2.1.017.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3	2		43		x
V3. Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 8 học phần)								
31	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2	2		28		x
32	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2	2		28		x
33	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2			30		x
34	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	2	2		28		x

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Loại học phần	
				LT	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
35	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2		28		x
36	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	2		28		x
37	TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 3)	2	0		30		x
38	TC3.1.018.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2	0		30		x
VI. Giáo dục Quốc phòng - An ninh			08					
39	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3	45			x	
40	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2	30			x	
41	TC2.1.016.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	3	17		28	x	
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			90					
I. Kiến thức cơ sở ngành			10					
I.1. Học phần bắt buộc			08					
42	LL2.1.015.2	Khoa học quản lí đại cương	2	15	15		x	
43	KT2.1.077.2	Đại cương về quản trị kinh doanh	2	15	15		x	
44	VD2.1.001.2	Văn hóa tổ chức	2	15	15		x	
45	NL2.1.013.2	Môi trường và con người	2	15	10	5	x	
I.2. Học phần tự chọn (chọn 1/ 2 học phần)			02					
46	LL2.1.008.2	Lôgic học đại cương	2	15	15			x
47	KT2.1.110.2	Thống kê du lịch	2	15	15			x
II. Kiến thức ngành			33					
II.1. Học phần bắt buộc			27					

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Loại học phần	
				LT	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
48	VD2.1.002.4	Nhập môn khoa học du lịch	4	30	30		x	
49	TL2.1.065.3	Giao tiếp và ứng xử trong kinh doanh du lịch	3	15	30		x	
50	KT2.1.111.2	Kinh tế du lịch	2	15	15		x	
51	VD2.1.005.2	Văn hóa du lịch	2	15	15		x	
52	KT2.1.112.2	Marketing du lịch	2	15	15		x	
53	XH2.1.058.2	Địa lí du lịch thế giới	2	16		14	x	
54	VD2.1.007.4	Du lịch phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống	4	30	13	17	x	
55	VD2.1.008.4	Du lịch tôn giáo, tín ngưỡng	4	30	10	15	x	
56	VD2.1.010.2	Hành vi tiêu dùng du lịch	2	15	15		x	
57	XH2.1.059.2	Địa lí du lịch Việt Nam	2	10		20	x	
II.2. Học phần tự chọn (Chọn 3/4 học phần)			6					
58	KT2.1.114.2	Quản trị văn phòng đại cương	2	15	15			x
59	VD2.1.011.2	Lí thuyết hệ thống	2	15	15			x
60	VD2.1.012.2	Thông tin học đại cương	2	15	15			x
61	KT2.1.013.2	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	15	15			x
III. Khối kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 3 chuyên ngành)			29					
III.1. Chuyên ngành Quản trị Lữ hành			29					
a. Học phần bắt buộc			15					
62	NN2.1.009.4	Tiếng Anh chuyên ngành Lữ hành 1	4	29	31		x	
63	NN2.1.010.3	Tiếng Anh chuyên ngành Lữ hành 2	3	24	21		x	

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Loại học phần	
				LT	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
64	VD2.1.015.2	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	2	5		25	x	
65	VD2.1.016.2	Nghiệp vụ lữ hành	2	15	15		x	
66	VD2.1.017.2	Hướng dẫn du lịch	2	15	15		x	
67	KT2.1.117.2	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	15	15		x	
b. Học phần tự chọn (Chọn 14/18 tín chỉ)			14					
68	VD2.1.019.2	Xúc tiến du lịch	2	15	15			x
69	VD2.1.020.2	Du lịch sinh thái	2	10	20			x
70	VD2.1.021.2	Du lịch văn hóa	2	15	15			x
71	VD2.1.037.2	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch	2	15	15			x
72	VD2.1.023.2	Diễn giảng công cộng	2	15	15			x
73	VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lí du lịch cộng đồng	3	15		30		x
74	VD2.1.025.2	Kiến trúc, mỹ thuật truyền thống	2	15	15			x
75	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	3	15		30		x
III.2. Chuyên ngành Quản trị Khách sạn			29					
a. Học phần bắt buộc			15					
76	NN2.1.011.4	Tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn 1	4	29	31		x	
77	NN2.1.012.3	Tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn 2	3	24	21		x	
78	VD2.1.027.2	Quản trị lễ tân và buồng	2	15	15		x	
79	VD2.1.028.2	Quản trị thực phẩm và đồ uống	2	15	15		x	
80	KT2.1.115.2	Quản trị kinh doanh khách sạn	2	15	15		x	
81	KT2.1.116.2	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	2	15	15		x	
b. Học phần tự chọn (Chọn 14/20 tín chỉ)			14					

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Loại học phần	
				LT	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
82	VD2.1.030.2	Văn hóa và nghệ thuật âm thực Việt Nam	2	15	15			x
83	VD2.1.019.2	Xúc tiến du lịch	2	15	15			x
84	VD2.1.037.2	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch	2	15	15			x
85	VD2.1.023.2	Diễn giảng công cộng	2	15	15			x
86	VD2.1.015.2	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	2	5		25		x
87	VD2.1.016.2	Nghiệp vụ lữ hành	2	15	15			x
88	KT2.1.117.2	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	15	15			x
89	VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lí du lịch cộng đồng	3	15		30		x
90	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	3	15		30		x
III.3. Chuyên ngành Quản trị Sự kiện			29					
a. Học phần bắt buộc			15					
91	NN2.1.013.3	Tiếng Anh du lịch và sự kiện 1	3	30	15		x	
92	NN2.1.014.2	Tiếng Anh du lịch và sự kiện 2	2	15	15		x	
93	VD2.1.022.2	Tổng quan về sự kiện	2	15	15		x	
94	VD2.1.031.2	Thiết kế và tổ chức sản xuất sự kiện	2	5		25	x	
95	KT2.1.118.2	PR và truyền thông cho sự kiện	2	15	15		x	
96	VD2.1.033.2	Quản trị sự kiện	2	15	15		x	
97	VD2.1.034.2	Thực hành lập dự án sự kiện	2	15	15		x	
b. Học phần tự chọn (Chọn 14/20 tín chỉ)			14					
98	VD2.1.035.2	Ý tưởng kịch bản và sự kiện	2	15	15			x

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Loại học phần	
				LT	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
99	VD2.1.036.2	Tài trợ và gây quỹ cho sự kiện	2	15	15			x
100	VD2.1.028.2	Quản trị thực phẩm và đồ uống	2	15	15			x
101	VD2.1.019.2	Xúc tiến du lịch	2	15	15			x
102	VD2.1.037.2	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch	2	15	15			x
103	KT2.1.116.2	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	2	15	15			x
104	VD2.1.023.2	Diễn giảng công cộng	2	15	15			x
105	VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lí du lịch cộng đồng	3	15		30		x
106	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	3	15		30		x
IV. Thực tập			12					
IV.1. Thực tập 1			04					
107	VD2.1.038.4	Thực tập 1 (Thực tập tổng hợp)	4			240	x	
IV.2. Thực tập 2 (1/3 chuyên ngành)			04					
108	VD2.1.039.4	Thực tập 2 (Thực tập chuyên ngành Quản trị Lữ hành)	4			240	x	
109	VD2.1.040.4	Thực tập 2 (Thực tập chuyên ngành Quản trị Khách sạn)	4			240	x	
110	VD2.1.041.4	Thực tập 2 (Thực tập chuyên ngành Quản trị Sự kiện)	4			240	x	
IV.3. Thực tập 3 (1/3 chuyên ngành)			04					
111	VD2.1.042.4	Thực tập 3 (Thực tập tốt nghiệp)	4			240	x	
V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			06					

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
31	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	TC2.1.002.3	2			2						
32	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	TC2.1.003.3	2			2						
33	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyên 2)	TC2.1.004.3	2			2						
34	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	TC2.1.005.3	2			2						
35	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	TC2.1.006.3	2			2						
36	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	TC2.1.007.3	2			2						
37	TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 3)	TC2.1.020.3	2			2						
38	TC3.1.018.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	TC2.1.017.3	2			2						
VI. Giáo dục Quốc phòng - An ninh				08									
39	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1		3		3							
40	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	TC2.1.014.3	2		2							
41	TC2.1.016.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	TC2.1.015.2	3		3							
B. Kiến thức chuyên ngành				90									
I. Kiến thức cơ sở ngành				10									
I.1. Học phần bắt buộc				08									
42	LL2.1.015.2	Khoa học quản lý đại cương		2		2							
43	NL2.1.013.2	Môi trường và con người		2		2							
44	KT2.1.077.2	Đại cương về quản trị kinh doanh		2			2						
45	VD2.1.001.2	Văn hoá tổ chức	LL2.1.015.2	2			2						
I.2. Học phần tự chọn (chọn 1/ 2 học phần)				02									
46	LL2.1.008.2	Lôgic học đại cương	LL2.1.001.2	2		2							
47	KT2.1.110.2	Thống kê du lịch		2		2							
II. Kiến thức ngành				33									
II.1. Học phần bắt buộc				27									
48	VD2.1.002.4	Nhập môn khoa học du lịch		4			4						
49	TL2.1.065.3	Giao tiếp và ứng xử trong		3			3						

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
72	VD2.1.023.2	Diễn giảng công cộng		2								2	
73	VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lí du lịch cộng đồng	VD2.1.038.3	3								3	
74	VD2.1.025.2	Kiến trúc, kĩ thuật truyền thống	VD2.1.005.2	2								2	
75	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	VD2.1.002.4	3								3	
III.2. Chuyên ngành Quản trị Khách sạn				29									
a. Học phần bắt buộc				15									
76	NN2.1.011.4	Tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn 1	NN2.1.004.3	4							4		
77	NN2.1.012.3	Tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn 2	NN2.1.011.4	3							3		
78	VD2.1.027.2	Quản trị lễ tân và buồng	KT2.1.077.2 VD2.1.002.4	2							2		
79	VD2.1.028.2	Quản trị thực phẩm và đồ uống	KT2.1.077.2 VD2.1.002.4	2							2		
80	KT2.1.115.2	Quản trị kinh doanh khách sạn	KT2.1.077.2	2							2		
81	KT2.1.116.2	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	KT2.1.077.2 VD2.1.002.4	2							2		
b. Học phần tự chọn (Chọn 14/20 tín chỉ)				14									
82	VD2.1.030.2	Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực Việt Nam	VD2.1.091.2	2								2	
83	VD2.1.019.2	Xúc tiến du lịch	KT2.1.112.2	2								2	
84	VD2.1.037.2	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch	VD2.1.002.4	2								2	
85	VD2.1.023.2	Diễn giảng công cộng		2								2	
86	VD2.1.015.2	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	XH2.1.059.2	2								2	
87	VD2.1.016.2	Nghiệp vụ lễ hành	VD2.1.002.4	2								2	
88	KT2.1.117.2	Quản trị kinh doanh lễ hành	KT2.1.077.2	2								2	
89	VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lí du lịch cộng đồng	VD2.1.038.3	3								3	
90	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	VD2.1.002.4	3								3	
III.3. Chuyên ngành Quản trị Sự kiện				29									
a. Học phần bắt buộc				15									
91	NN2.1.013.3	Tiếng Anh du lịch và sự kiện 1	NN2.1.004.3	3							3		

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
111	VD2.1.042.4	Thực tập 3 (Thực tập tốt nghiệp)	VD2.1.039.4/ VD2.1.040.4/ VD2.1.041.4	4										4
V. Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế)				06										
V.1. Khóa luận tốt nghiệp														
112	VD2.1.043.6	Khóa luận tốt nghiệp	VD2.1.042.4	6										6
V.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp														
113	XH2.1.064.3	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	VD2.1.042.4	3										3
114	VD2.1.045.3	Quản lý và bảo vệ môi trường du lịch	VD2.1.042.4	3										3
Cộng (Không tính Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh):				128	15	17	17	18	18	15	18	10		

11. Mô tả nội dung các học phần

11.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học, những kiến thức cơ bản như: Chủ nghĩa Mác - Lênin là gì, đối tượng, mục đích, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học, những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

(Thực hiện theo Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ Đại học, Cao đẳng dùng cho người học khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh).

11.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học.

(Thực hiện theo Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ Đại học, Cao đẳng dùng cho người học khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh).

11.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2.

Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin; người học có những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

(Theo hướng dẫn Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT về chương trình các môn Lí luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho người học khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành).

11.4. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là một môn học trong hệ thống các môn Lí luận chính trị. Môn học này, chủ yếu nghiên cứu đường lối do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Đường lối đúng đắn là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kì đổi mới

(Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lí luận chính trị dùng cho người học các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh).

11.5. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức về khái niệm văn hoá, không gian văn hóa Việt Nam, loại hình văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam; các thành tố văn hoá Việt Nam (văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức cộng đồng, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội); bản sắc văn hóa dân tộc; vai trò, trách nhiệm của người học trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

11.6. Tâm lí học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lí học, những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lí, bản chất của sự hình thành tâm lí, ý thức của con người; giới thiệu các quy luật hoạt động của nhận thức đối với sự phát triển tâm lí, ý thức của nhân cách; người học hiểu được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp dạy học và giáo dục; bước đầu hình thành cho người học kĩ năng nghiên cứu tâm lí người.

11.7. Kinh tế học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để hiểu và phân tích các hoạt động kinh tế trên góc độ vi mô, vĩ mô cụ thể là: các nguyên lí của kinh tế học, cung cầu trên thị trường và độ co giãn cung cầu, lí thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất và cấu trúc thị trường, các thất bại của thị trường, các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản.

11.8. Tiếng Việt thực hành: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: kỹ năng tạo lập văn bản; kỹ năng dựng đoạn văn; kỹ năng đặt câu; kỹ năng dùng từ; kỹ năng viết chữ đúng chuẩn tiếng Việt.

11.9. Xã hội học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đối tượng, chức năng của xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học; một số chuyên ngành xã hội học; sự hình thành và phát triển của con người và xã hội loài người; đặc điểm, tính chất của các hình thái tổ chức xã hội; mối quan hệ logic của các yếu tố kinh tế - xã hội - con người - ý thức xã hội - giáo dục.

11.10. Tiến trình lịch sử Việt Nam: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến nay: Sự thay thế, phát triển, kế tiếp giữa các thời đại lịch sử, các triều đại; quá trình ra đời và hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật; những thành tựu phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội; lịch sử đấu tranh giành độc lập và những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

11.11. Pháp luật đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê nin 1.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật; một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

11.12. Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: khái niệm nghiên cứu khoa học; phân loại nghiên cứu khoa học; sản phẩm nghiên cứu khoa học; lý thuyết khoa học; lựa chọn đề tài, đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu; đặt tên đề tài; xây dựng luận điểm khoa học; chứng minh luận điểm khoa học; trình bày luận điểm khoa học; tổ chức thực hiện đề tài.

11.13. Tiếng Anh 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Người học được trang bị kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng thông qua bài học với các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh khác nhau của cuộc sống. Người học được rèn luyện cách phát âm chính xác theo IPA; tích lũy khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh - Nghe, Nói, Đọc, Viết tương đương trình độ đầu A2.

11.14. Tiếng Anh 2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1.

Người học được trang bị các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng tiếng Anh thông qua các chủ điểm khác nhau, đề cập tới các khía cạnh đa dạng của cuộc sống. Người học được rèn luyện, hình thành kỹ năng tiếng Anh tương đương trình độ giữa A2.

11.15. Tiếng Anh 3: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2.

Học phần tiếp tục cung cấp cho người học những kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng. Người học tích lũy được khối lượng từ vựng; nghiên cứu, sử dụng kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh tương đương trình độ cuối A2.

11.16. Tiếng Anh 4: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 3

Học phần tiếp tục cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao của tiếng Anh về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện và hình thành các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết như:

- Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu ngắn; có thể viết đoạn văn, thư mời hoặc trả lời email (khoảng 90 đến 110 từ) về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí,... mà người học quan tâm; có thể giao tiếp được về các chủ đề quen thuộc hàng ngày như: gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra hoặc xảy ra trong quá khứ.

- Kết nối đơn giản các nhóm từ để thuật lại một câu chuyện, sự kiện, mơ ước và hy vọng; có thể đưa ra lí do và giải thích về quan điểm, kế hoạch của mình; có thể kể lại câu chuyện đơn giản về một nhân vật nổi tiếng và bày tỏ suy nghĩ của mình.

11.17. Tiếng Trung 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung; kỹ năng giao tiếp thông thường với người Trung Quốc; hiểu biết thêm về ngôn ngữ, chữ viết, văn hóa và con người đất nước Trung Quốc.

11.18. Tiếng Trung 2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung 1.

Học phần tiếp tục trang bị cho người học những hiện tượng ngữ pháp; giúp người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp và đọc được những bài văn thông thường; kết hợp với môn học khác hỗ trợ người học trong việc học chuyên ngành có liên quan đến tiếng Trung.

11.19. Tiếng Trung 3: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung 2.

Học phần tiếp tục cung cấp cho người học những hiện tượng ngữ pháp căn bản trong tiếng Trung; giúp người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hội thoại, đọc được những bài văn thông thường; kết hợp với các môn học khác hỗ trợ người học trong việc học chuyên ngành có liên quan đến tiếng Trung.

11.20. Tiếng Trung 4: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung 3.

Học phần tiếp tục cung cấp cho người học những từ mới, tổ hợp từ và những hiện tượng ngữ pháp căn bản trong tiếng Trung Quốc; giúp người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hội thoại, đọc được những bài văn thông thường; kết hợp với các môn học khác hỗ trợ người học trong việc học chuyên ngành có liên quan đến tiếng Trung Quốc.

11.21. Tin học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử; các thao tác truy cập Internet.

Người học được rèn luyện các kỹ năng sử dụng hệ điều hành để thao tác trên máy tính điện tử; khai thác một số phần mềm ứng dụng, soạn thảo và lưu trữ các văn bản phục vụ công tác văn phòng; sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu để tính toán khoa học và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

11.22. Giáo dục Thể chất 1: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp giáo dục thể chất, Y - Sinh học thể dục thể thao, chạy cự li ngắn, chạy cự li trung bình.

11.23. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá; đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng bóng đá đối với người tập luyện; một số điểm trong luật bóng đá 5, 7, 11 người; một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá.

11.24. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về lịch sử, quá trình phát triển môn bóng bàn; cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị đánh bóng; kỹ thuật lúp bóng thuận tay; kỹ thuật vụt nhanh thuận tay; kỹ thuật lúp bóng trái tay; kỹ thuật vụt nhanh trái; kỹ thuật gõ bóng thuận (trái) tay.

11.25. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chày 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về lịch sử, quá trình phát triển môn bóng chày; nguyên lí kỹ thuật các động tác cơ bản môn bóng chày; kỹ thuật các động tác môn bóng chày.

11.26. Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn cầu lông; quá trình phát triển của môn cầu lông; nguyên lí kỹ thuật cầu lông; cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị; kỹ thuật di chuyển; kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái); kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay; kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải, bên trái; kỹ thuật đập cầu thuận tay.

11.27. Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển và quá trình phát triển võ Vovinam; kỹ thuật môn võ Vovinam.

11.28. Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về chạy cự li ngắn; chạy cự li trung bình; nhảy cao; nhảy xa.

11.29. Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn Bơi lội ở trong nước và thế giới, những kỹ năng thực hành cơ bản về kỹ thuật động tác.

11.30. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 2): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về lịch sử phát triển và đặc điểm tác dụng của môn bóng rổ; các kỹ thuật đập bóng thuận (trái) tay; nhồi bóng (ngang, đập đất), bắt bóng một (hai) tay, chuyền bóng thuận (trái) tay. di chuyển chuyên bắt bóng, dẫn bóng thuận (trái) tay, lên rổ 2 bước, ném rổ 2 điểm, 3 điểm

11.31. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về một số điểm trong luật bóng đá 5, 7, 11 người; một số chiến thuật nâng cao trong bóng đá; phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá.

11.32. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn, Luật bóng bàn; kỹ thuật vụt nhanh thuận tay; kỹ thuật vụt nhanh trái; kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay; kỹ thuật giạt bóng thuận (trái) tay; kỹ thuật phát bóng.

11.33. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về kỹ thuật các động tác môn bóng chuyền; chiến thuật thi đấu môn bóng chuyền; phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyền.

11.34. Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông; kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải (trái); kỹ thuật đánh cầu trên

đỉnh đầu; kĩ thuật đập cầu; kĩ thuật đánh cầu gôn lưới; chiến thuật thi đấu đơn; chiến thuật thi đấu đôi.

11.35. Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nguyên lí chiến thuật, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu môn Võ Vovinam; kĩ thuật môn võ Vovinam.

11.36. Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nguyên lí kĩ thuật nhảy cao, nhảy xa; các giai đoạn của kĩ thuật nhảy cao, nhảy xa; một số điền luật - phương pháp trọng tài của môn nhảy cao và nhảy xa.

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về lịch sử phát triển và đặc điểm tác dụng của môn bóng rổ; các kĩ thuật đập bóng thuận (trái) tay; nhồi bóng (ngang, đập đất), bắt bóng một (hai) tay, chuyển bóng thuận (trái) tay. di chuyển chuyên bắt bóng, dẫn bóng thuận (trái) tay, lên rổ 2 bước, ném rổ 2 điểm, 3 điểm.

11.37. Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 3): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2).

Học phần cung cấp cho người học kỹ thuật bơi trườn sấp: động tác chân, động tác tay, kỹ thuật phối hợp tay với thở, phối hợp hoàn chỉnh.

11.38. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1).

Học phần cung cấp cho người học những kỹ - chiến thuật bóng rổ: Chiến thuật trong bóng rổ, kỹ thuật tấn công, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật ném rổ, kỹ thuật chạy 2 bước nhảy ném rổ, kỹ thuật lên rổ.

11.39. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học; quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam.

11.40. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ

gìn trật tự an toàn xã hội; những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

11.41. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

11.42. Khoa học quản lý đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các khái niệm và phạm trù cơ bản của khoa học quản lý; đặc trưng của lao động quản lý; những phẩm chất và năng lực của nhà quản lý; các nguyên tắc quản lý cơ bản; các phương pháp quản lý cơ bản; các chức năng lập kế hoạch, ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra, thông tin và truyền thông trong quản lý.

11.43. Đại cương về quản trị kinh doanh: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản của quản trị nói chung và quản trị doanh nghiệp nói riêng, bao gồm: các vấn đề chung về doanh nghiệp; nội dung chính của công tác quản trị trong doanh nghiệp; hệ thống thông tin và các quyết định quản trị; lập kế hoạch kinh doanh trong quản trị doanh nghiệp; các hoạt động chính của quản trị trong doanh nghiệp (quản trị marketing, quản trị chi phí, quản trị nhân sự, quản trị cung ứng).

11.44. Văn hóa tổ chức: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Khoa học quản lý đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng của văn hoá tổ chức; nội dung và hình thức biểu hiện của văn hoá tổ chức; hệ giá trị của tổ chức; xây dựng văn hoá tổ chức trong thực tiễn.

11.45. Môi trường và con người: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Nội dung học phần cung cấp các nguyên lý sinh thái áp dụng cho môi trường. Dân số và những áp lực của nó gây ra với tài nguyên môi trường. Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường và các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

11.46. Logic học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về logic hình thức như: các quy luật cơ bản của logic học, kết cấu logic của các hình thức cơ bản của tư duy (khái niệm, phán đoán, suy luận) để từ đó giúp cho người học hoàn thiện phương pháp suy luận của bản thân trong hoạt động nhận thức khoa học và các hoạt động thực tiễn.

11.47. Thống kê du lịch: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về trình bày số liệu thống kê du lịch, biết sử dụng thang đo thống kê thích hợp; tính giá trị các tham số: trung bình cộng, độ lệch chuẩn, tốc độ tăng trưởng...; hệ thống thông tin thống kê ngành du lịch của WTO.

11.48. Nhập môn khoa học du lịch: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển du lịch trên thế giới và ở Việt Nam; các điều kiện phát triển du lịch; tính mùa vụ trong du lịch; các loại hình du lịch; mối tương tác giữa du lịch và các lĩnh vực khác; tổ chức quản lý ngành du lịch; sự hình thành khoa học liên ngành mới - khoa học du lịch.

11.49. Giao tiếp lễ tân ngoại giao: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giao tiếp, lễ tân, lễ tân ngoại giao; những nguyên tắc chủ yếu trong giao tiếp quốc tế và lễ tân ngoại giao; các kỹ năng, nghiệp vụ chủ yếu trong giao tiếp, trong hoạt động lễ tân ngoại giao; lễ nghi giao tiếp quốc tế; vận dụng các kỹ năng nghiệp vụ giao tiếp và lễ tân ngoại giao trong hoạt động thực hành nghề du lịch ở Việt Nam.

11.50. Kinh tế du lịch: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn khoa học du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống lý thuyết về thị trường du lịch (câu du lịch, cung du lịch và giá cả du lịch); hoạt động của doanh nghiệp du lịch trong mối tác động qua lại với môi trường kinh doanh; đánh giá khả năng sinh lời của dự án đầu tư du lịch; giải pháp cơ bản nhằm phân tán rủi ro trong kinh doanh du lịch.

11.51. Văn hóa du lịch: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn khoa học du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các khái niệm chủ yếu của văn hóa du lịch; các tài nguyên văn hóa và di sản văn hóa chủ yếu được khai thác trong văn hóa du lịch; các loại hình và sản phẩm du lịch văn hoá; những yêu cầu, nguyên tắc tổ chức, quản lý, khai thác các giá trị văn hoá dân tộc, văn hoá nhân loại vào hoạt động kinh doanh du lịch; văn hoá và sự phát triển du lịch bền vững; việc phát huy giá trị văn hoá dân tộc trong hội nhập và phát triển thông qua hoạt động du lịch.

11.52. Marketing du lịch: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn khoa học du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về marketing; đặc trưng về marketing dịch vụ du lịch; thị trường và phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị; lập kế hoạch marketing và các hoạt động nghiên cứu thị trường khách du lịch; khái quát các chính sách marketing hỗn hợp trong du lịch: sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến, con người, quy trình và môi trường vật chất.

11.53. Địa lý du lịch thế giới: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch và kinh tế du lịch trên thế giới: vị trí địa lí của năm châu lục, hai mươi hai khu vực và các thực thể địa chính trị tiêu biểu trên thế giới; các tài nguyên du lịch tiêu biểu ở năm châu lục, hai mươi hai khu vực và các thực thể địa chính trị tiêu biểu trên thế giới; các điểm đến tiêu biểu thu hút khách du lịch hàng đầu thế giới ở các khu vực và các quốc gia tiêu biểu trên thế giới.

11.54. Du lịch phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Văn hóa du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phong tục, tập quán, lễ hội như: các khái niệm chủ yếu; các tài nguyên văn hóa và di sản văn hóa thuộc lĩnh vực phong tục, tập quán, lễ hội chủ yếu được khai thác trong du lịch; các loại hình và sản phẩm du lịch thuộc phong tục, tập quán, lễ hội; những yêu cầu, nguyên tắc tổ chức, quản lí, khai thác các giá trị của phong tục, tập quán, lễ hội vào hoạt động kinh doanh du lịch; phong tục, tập quán, lễ hội và sự phát triển du lịch bền vững; bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc trong phong tục, tập quán, lễ hội qua hoạt động du lịch.

11.55. Du lịch tôn giáo, tín ngưỡng: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về tôn giáo, tín ngưỡng như: các khái niệm chủ yếu; các tài nguyên văn hóa và di sản văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng chủ yếu được khai thác trong du lịch; các loại hình và sản phẩm du lịch văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng; những yêu cầu, nguyên tắc tổ chức, quản lí, khai thác các giá trị văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng vào hoạt động kinh doanh du lịch; tôn giáo, tín ngưỡng và sự phát triển du lịch bền vững; phát huy giá trị văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng trong hội nhập và phát triển thông qua hoạt động du lịch; bảo tồn văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng trong du lịch.

11.56. Hành vi tiêu dùng trong du lịch: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lí học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về nghiên cứu hành vi tiêu dùng nói chung và trong du lịch nói riêng; các quy luật, phương pháp nghiên cứu tâm lí con người; các vấn đề về nhu cầu, động cơ, thị hiếu, tâm trạng, quá trình tiêu dùng du lịch, đặc điểm tâm lí một số nhóm khách du lịch cũng như các nhóm người tham gia vào hoạt động du lịch, quản lí, kinh doanh và giao tiếp du lịch.

11.57. Địa lí du lịch Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở lí luận của địa lí du lịch; vị trí địa lí, tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng, sơ đồ vùng du lịch Việt Nam; tài nguyên du lịch, các sản phẩm du lịch, các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế, các tuyến du lịch quan trọng của ba vùng du lịch Việt Nam: vùng du lịch Bắc Bộ, vùng du lịch Bắc Trung Bộ, vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

11.58. Quản trị văn phòng đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Khoa học quản lí đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về khái niệm văn phòng, văn phòng hiện đại; chức năng, nhiệm vụ của văn phòng các cơ quan; những kiến thức cơ bản

về quản trị văn phòng; những phương pháp và kỹ năng quản trị văn phòng như: tổ chức bộ máy làm việc, tổ chức nhân sự trong văn phòng, điều hành hoạt động của văn phòng và kiểm tra hoạt động của văn phòng; ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác văn phòng.

11.59. Lí thuyết hệ thống: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống, cấu trúc hệ thống, tính thống nhất về hệ thống trong các quá trình và hiện tượng tự nhiên, sinh học, kỹ thuật, xã hội; các đặc điểm cơ bản và quy luật vận động của hệ thống; phương pháp nghiên cứu hệ thống và ứng dụng của nó trong quá trình xử lý các bài toán đặt ra trong kỹ thuật, trong tổ chức và quản lý; phương pháp phân tích hệ thống và ứng dụng trong công tác nghiên cứu khoa học, đánh giá các sự vật và quá trình và chuẩn bị quyết định; điều khiển hệ thống, các đặc điểm, quy luật vận động, phương pháp điều khiển các hệ thống và ứng dụng nó trong công tác nghiên cứu khoa học, trong việc xử lý các tình huống của thực tiễn quản lý; hình thành kỹ năng xác lập quan điểm hệ thống trong cách nhìn và phân tích sự vật; biết xử lý mọi tình huống trong hoạt động quản lý trên quan điểm hệ thống.

11.60. Thông tin học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về về thông tin và thông tin học: khái niệm; hình thức chuyển tải và kỹ thuật lưu giữ thông tin; các loại hình thông tin; lịch sử của kỹ thuật truyền tin; khái niệm, lịch sử hình thành, phát triển, nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu, những khái niệm, phạm trù và phương pháp nghiên cứu của thông tin học và mối quan hệ của thông tin học với các ngành khoa học khác; vai trò của thông tin trong phát triển kinh tế, xã hội; vấn đề của thông tin trong đời sống kinh tế - xã hội phát triển; nội dung quá trình thông tin và dây chuyền thông tin tư liệu; khái niệm hệ thống thông tin, hệ thống thông tin khoa học và công nghệ; đặc điểm người dùng tin, nhu cầu thông tin khoa học và công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

11.61. Thanh toán quốc tế trong du lịch: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kinh doanh của thị trường hối đoái và thanh toán quốc tế; bản chất của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, các chức năng, nghiệp vụ cơ bản của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam; điều kiện tài chính và tiền tệ khi ký kết các hợp đồng du lịch quốc tế cũng như những giải pháp nhằm hạn chế rủi ro; biết trình bày, phân tích ưu nhược điểm và các điều kiện áp dụng của các phương tiện thanh toán quốc tế cũng như các phương thức thanh toán quốc tế thường được áp dụng tại các doanh nghiệp du lịch.

11.62. Tiếng Anh chuyên ngành Lữ hành 1: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 3.

Học phần củng cố vốn từ vựng và kỹ năng trong các tình huống giao tiếp thông thường mà người học đã tích lũy trong các học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3; trang bị cho người học các thuật ngữ, tình huống giao tiếp phổ biến trong du lịch và lĩnh vực lữ hành; qua các bài đọc và bài luyện, cung cấp thêm cho người học những kiến thức và luyện thêm kỹ năng tiêu biểu thuộc lĩnh vực lữ hành.

11.63. Tiếng Anh chuyên ngành Lữ hành 2: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh chuyên ngành Lữ hành 1.

Học phần tiếp tục củng cố từ vựng và kỹ năng trong các tình huống giao tiếp thông thường mà người học đã tích lũy trong chương trình tiếng Anh chuyên ngành Lữ hành 1; tiếp tục trang bị cho người học các thuật ngữ, tình huống giao tiếp phổ biến trong lĩnh vực lữ hành; qua các bài đọc và bài luyện, tiếp tục cung cấp thêm cho người học những kiến thức và luyện thêm kỹ năng tiêu biểu thuộc lĩnh vực lữ hành.

11.64. Tuyển điểm du lịch Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Địa lí du lịch Việt Nam.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch, các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động hướng dẫn du lịch; các kiến thức về tự nhiên, văn hoá, lịch sử, kết cấu hạ tầng của các tuyến điểm du lịch chính và một số chương trình du lịch chủ yếu của các vùng du lịch.

11.65. Nghiệp vụ lữ hành: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn khoa học du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động lữ hành, kinh doanh lữ hành, doanh nghiệp lữ hành, sản phẩm lữ hành, chức năng, vai trò của doanh nghiệp lữ hành; các quy định pháp lí trong việc thành lập doanh nghiệp lữ hành tại Việt Nam; những căn cứ và nguyên tắc tổ chức, đưa doanh nghiệp lữ hành vào hoạt động; quy trình nghiệp vụ trong việc xây dựng chương trình du lịch, tổ chức định giá và thực hiện các chương trình du lịch, các nghiệp vụ thiết lập quan hệ và hợp tác trong kinh doanh lữ hành; các nguyên lí và cách thức tổ chức các hoạt động marketing, phát triển thị trường khách, hệ thống kênh phân phối của các doanh nghiệp lữ hành.

11.66. Hướng dẫn du lịch: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn khoa học du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hướng dẫn du lịch và hướng dẫn viên du lịch; những phẩm chất, năng lực cần có và trách nhiệm của hướng dẫn viên du lịch; chuẩn bị cho một tour du lịch cụ thể; tổ chức đón tiếp, ăn và lưu trú cho khách du lịch; các vấn đề liên quan đến vận chuyển và hải quan; kỹ năng hướng dẫn tham quan, kỹ năng lãnh đạo đoàn; xử lí tình huống trong hoạt động du lịch; kết thúc tour; hướng dẫn viên và các vấn đề liên quan đến du lịch bền vững và giao tiếp đa văn hóa.

11.67. Quản trị kinh doanh lữ hành: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Đại cương về quản trị kinh doanh.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức khái quát về hoạt động kinh doanh lữ hành; các hoạt động quản trị trong kinh doanh lữ hành (nhân sự, quá trình sản xuất, marketing, chất lượng sản phẩm, chiến lược...); môi trường và xu hướng kinh doanh lữ hành ở Việt Nam.

11.68. Xúc tiến du lịch: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Marketing du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất của hoạt động xúc tiến; các công cụ xúc tiến cơ bản; tiến trình xây dựng và quản lí kế hoạch xúc tiến cho doanh nghiệp và sản phẩm du lịch đặc biệt; tiến trình xây dựng và quản lí kế hoạch quảng cáo; các hình thức quảng cáo cơ bản; hình thành và thiết kế thông điệp du lịch.

11.69. Du lịch sinh thái: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Địa lí du lịch Việt Nam.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản sau: các quan điểm về du lịch sinh thái; các nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái đối với khách du lịch, đối với hướng dẫn viên, đối với nhà điều hành, đối với cư dân và chính quyền địa phương; các khu du lịch sinh thái; các sản phẩm du lịch sinh thái.

11.70. Du lịch văn hóa: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Văn hóa du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch văn hóa, đặc biệt là những yêu cầu có tính nguyên tắc trong nghiệp vụ du lịch văn hoá; rèn luyện cho người học các kỹ năng, nghiệp vụ nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trong du lịch; biết xây dựng và tổ chức chương trình du lịch văn hóa; quản lí và khai thác tài nguyên văn hoá quốc gia và quốc tế phục vụ du lịch; giao tiếp, ứng xử văn hoá trong kinh doanh du lịch.

11.71. Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn khoa học du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về hệ thống cơ sở lưu trú du lịch; cách phân loại loại hình cơ sở lưu trú du lịch; cơ sở vật chất kỹ thuật trong kinh doanh lưu trú du lịch; các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn loại hình cơ sở lưu trú du lịch của khách; các yếu tố trong khách sạn (loại hình cơ sở lưu trú du lịch chủ yếu, phổ biến nhất trong hệ thống cơ sở lưu trú du lịch); hệ thống cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam về lĩnh vực chủ yếu; năng lực phục vụ và xu hướng phát triển của hệ thống cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam.

11.72. Diễn giảng công cộng: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản sau: khái niệm cơ bản về nghiệp vụ nói trước công chúng; công việc, nguyên tắc và kỹ năng diễn giảng công cộng; các quan niệm về diễn giảng công cộng và các thuật ngữ liên quan đến diễn giảng công cộng; vai trò của diễn giảng công cộng trong cuộc sống, công việc và trong thực hành nghề du lịch.

11.73. Tổ chức và quản lí du lịch cộng đồng: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập tổng hợp.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về phát triển và quản lí du lịch cộng đồng: khái niệm cộng đồng, cộng đồng địa phương, du lịch cộng đồng; đặc điểm của du lịch cộng đồng; điều kiện, mục tiêu, nguyên tắc cơ bản phát triển du lịch cộng đồng; vai trò của các bên tham gia du lịch cộng đồng; các loại hình du lịch, dịch vụ có sự tham gia của du lịch cộng đồng; tác động của du lịch cộng đồng đến cộng đồng dân cư; đặc điểm của khách tham gia du lịch cộng đồng; mô hình cộng đồng cư dân tham gia du lịch cộng đồng; các bước triển khai mô hình du lịch cộng đồng; một số mô hình du lịch cộng đồng ở Việt Nam; một số giải pháp phát triển du lịch cộng đồng.

11.74. Kiến trúc, mỹ thuật truyền thống: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Văn hóa du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam truyền thống, kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam truyền thống qua các thời kì lịch sử; các loại hình du lịch, hình thức du lịch khai thác kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam truyền thống; loại sản phẩm du lịch kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam truyền thống; hình thức hoạt động và dịch vụ du lịch dựa trên khai thác di sản kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam; các điểm đến của du lịch kiến trúc, mỹ thuật; tác động của du lịch đến di sản kiến trúc, mỹ thuật; yêu cầu về bảo tồn và phát huy giá trị của kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam truyền thống trong du lịch.

11.75. Tài nguyên du lịch Tây Bắc: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn khoa học du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và xã hội, cơ sở hạ tầng của tỉnh Tây Bắc; tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn của Tây Bắc; các hình thức du lịch, khu du lịch, điểm du lịch ở Tây Bắc.

11.76. Tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn 1: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 3.

Học phần nhằm củng cố từ vựng và kỹ năng trong các tình huống giao tiếp thông thường mà người học đã tích lũy được trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3; giới thiệu các thuật ngữ, tình huống giao tiếp phổ biến trong lĩnh vực du lịch và khách sạn; qua các bài đọc và bài luyện, trang bị thêm cho người học những kiến thức và luyện thêm kỹ năng tiêu biểu thuộc lĩnh vực khách sạn.

11.77. Tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn 2: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn 1.

Học phần tiếp tục củng cố từ vựng và kỹ năng trong các tình huống giao tiếp thông thường đã tích lũy trong chương trình tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn - 1; giới thiệu thuật ngữ, tình huống giao tiếp phổ biến trong lĩnh vực khách sạn; qua bài đọc và luyện tiếp tục trang bị cho người học kiến thức và luyện thêm kỹ năng thuộc lĩnh vực khách sạn.

11.78. Quản trị lễ tân và buồng: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Đại cương về quản trị kinh doanh; Nhập môn khoa học du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về công tác tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh buồng trong các cơ sở lưu trú, bao gồm: thông tin chung; kinh nghiệm quản trị và kiến thức nghiệp vụ cần thiết của các nhân viên bộ phận lễ tân và bộ phận buồng; vai trò, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và đội ngũ nhân sự tại từng bộ phận; các nghiệp vụ phục vụ cụ thể của từng bộ phận qua các giai đoạn phục vụ khách; các nội dung và phương pháp quản trị kinh doanh lưu trú.

11.79. Quản trị thực phẩm và đồ uống: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Đại cương về quản trị kinh doanh; Nhập môn khoa học du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và kỹ năng phục vụ tác nghiệp, hoạt động điều hành, quản lý tại bộ phận thực phẩm và đồ uống, bao gồm: hệ thống các thông tin chung (như vai trò, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận thực phẩm và đồ uống); cơ cấu tổ chức quản lý; định hướng kinh doanh; xây dựng tiêu chuẩn về nhân sự, sản phẩm, chất lượng dịch vụ; hoàn thiện quy trình phục vụ và kỹ năng mềm; quản trị thực đơn và giá bán; quản trị phục vụ đồ ăn, đồ uống, tiệc; quản trị cung ứng đầu vào;

kiểm soát an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm; quản trị tài chính, phân tích chi phí và lợi nhuận; quản trị cơ sở vật chất; kiểm soát thất thoát; quản trị nhân sự tại bộ phận.

11.80. Quản trị kinh doanh khách sạn: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Đại cương về quản trị kinh doanh.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về ngành kinh doanh khách sạn, quản trị kinh doanh khách sạn; nhiệm vụ của nhà quản trị kinh doanh khách sạn; hoạch định chiến lược trong kinh doanh khách sạn; cơ cấu tổ chức và quản trị nhân lực; hoạch toán kinh doanh trong khách sạn; chức năng lãnh đạo và vai trò của giám đốc trong kinh doanh khách sạn; tổ chức phối hợp các hoạt động trong khách sạn.

11.81. Kinh doanh dịch vụ bổ sung: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Đại cương về quản trị kinh doanh; Nhập môn khoa học du lịch.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh doanh dịch vụ bổ sung; vai trò, chức năng, đặc điểm của kinh doanh dịch vụ bổ sung trong du lịch; các vấn đề liên quan đến công viên giải trí, công viên chuyên đề; các dịch vụ thể thao biển và vui chơi giải trí khác; tổ chức kinh doanh dịch vụ bổ sung trong khách sạn; tổ chức kinh doanh dịch vụ bổ sung trong lữ hành; quản trị chất lượng dịch vụ bổ sung trong du lịch.

11.82. Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở văn hóa Việt Nam.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật ẩm thực Việt Nam: cách lựa chọn nguyên liệu, thực phẩm, gia vị; các phương pháp chế biến, trình bày món ăn; những điểm đặc sắc trong văn hóa ẩm thực của dân tộc Việt Nam; sự khác biệt giữa các món ăn Việt Nam với một số nước trên thế giới; món ăn của các dân tộc Việt Nam theo vùng miền và theo dân tộc; đồ uống Việt Nam; phương pháp xây dựng thực đơn kết hợp giữa ăn và uống.

11.83. Tiếng Anh du lịch và sự kiện 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 3.

Học phần nhằm củng cố từ vựng và kỹ năng trong các tình huống giao tiếp mà người học đã tích lũy trong các học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3; giới thiệu các thuật ngữ, tình huống giao tiếp đơn giản trong ngành du lịch và sự kiện; qua các bài đọc và bài luyện, tiếp tục cung cấp thêm cho người học một số kiến thức và kỹ năng cơ bản trong ngành du lịch nói chung và sự kiện du lịch nói riêng.

11.84. Tiếng Anh du lịch và sự kiện 2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh du lịch và sự kiện 1.

Học phần tiếp tục củng cố từ vựng và kỹ năng trong các tình huống giao tiếp mà người học đã tích lũy trong học phần Tiếng Anh du lịch và sự kiện 1; giới thiệu các thuật ngữ, tình huống giao tiếp đơn giản trong ngành du lịch và chuyên ngành Sự kiện; qua các bài đọc và bài luyện, tiếp tục cung cấp thêm cho người học một số kiến thức và kỹ năng cơ bản trong ngành du lịch nói chung và chuyên ngành Sự kiện du lịch nói riêng.

11.85. Tổng quan về sự kiện: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm sự kiện; phân loại sự kiện, sự kiện du lịch; ảnh hưởng kinh tế - xã hội của sự kiện; mối quan hệ giữa sự kiện và du lịch.

11.86. Thiết kế và tổ chức sản xuất sự kiện: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tổng quan về sự kiện.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động thiết kế, tổ chức và sản xuất sự kiện, bao gồm: đánh giá nhu cầu, xây dựng kịch bản sự kiện; xây dựng kế hoạch và lập ngân sách sự kiện; thiết kế và chuẩn bị; sản xuất phim/video/các ấn phẩm liên quan; tổ chức và điều phối hoạt động; quản trị nhân sự và trang thiết bị; thương thảo và kí kết hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ.

11.87. PR và truyền thông cho sự kiện: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tổng quan về sự kiện.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về truyền thông và PR như: xúc tiến quảng cáo và quan hệ công chúng; phát triển thành công các ý tưởng xúc tiến quảng cáo; các khía cạnh chủ đạo của PR hiện đại là đạo đức và cơ hội; các loại hình truyền thông; chuẩn bị bộ tài liệu truyền thông; những vấn đề thuộc chiến dịch PR và truyền thông cho sự kiện như: xác định ý tưởng truyền thông chủ đạo cho sự kiện, lập ngân sách và kế hoạch truyền thông, chuẩn bị bộ công cụ truyền thông (bao gồm thiết kế, sản xuất và trưng bày); những vấn đề và khó khăn có thể xảy ra trong quá trình truyền thông cho sự kiện; một số kỹ năng cần thiết trong việc quản lý truyền thông cho sự kiện.

11.88. Quản trị sự kiện: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tổng quan về sự kiện.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về quản trị sự kiện chiến lược như: các khái niệm chủ yếu; lập kế hoạch chiến lược cho sự kiện; lý thuyết lãnh đạo và định hướng; marketing chiến lược và tạo thương hiệu cho sự kiện; quản trị sự kiện và thực tiễn kinh doanh; tổ chức sự kiện chiến lược, quản trị nhân sự; các yếu tố về mặt đạo đức, nghề nghiệp và luật pháp trong sự kiện; quản trị những tác động về mặt xã hội và kinh tế của sự kiện; báo cáo và đánh giá sự kiện chiến lược.

11.89. Thực hành lập dự án sự kiện: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế và tổ chức sản xuất sự kiện.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về việc lập dự án sự kiện, bao gồm: xây dựng chủ đề và concept cho dự án sự kiện; quy trình lập và quản lý dự án; xây dựng ngân sách và chương trình; thương thảo và kí kết hợp đồng; quản trị rủi ro; marketing và truyền thông; quy trình và thủ tục hành chính; chuẩn bị hậu cần tại hiện trường; trang thiết bị kỹ thuật; quản lý khách VIP; quản lý nhân sự và đánh giá dự án.

11.90. Ý tưởng và kịch bản sự kiện: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tổng quan về sự kiện.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thiết kế sự kiện; quy trình xây dựng ý tưởng, kịch bản và lập kế hoạch cho sự kiện; những nguyên tắc quan trọng khi thiết kế ý tưởng và kịch bản sự kiện; các khía cạnh chủ đạo liên quan đến ý tưởng và concept sự kiện như trang trí, màu sắc, âm thanh, ánh sáng, hiệu ứng nghệ thuật

khác; một số kỹ thuật phục vụ cho việc xây dựng ý tưởng và kịch bản; quản lý những vấn đề phát sinh khi thiết kế sự kiện.

11.91. Tài trợ và gây quỹ cho sự kiện: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tổng quan về sự kiện.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động tài trợ, gây quỹ cho sự kiện; các chiến lược và chính sách tài trợ, gây quỹ; lập kế hoạch và quy trình xin tài trợ; marketing và giá trị thương hiệu trong việc ra quyết định tài trợ; phát triển chiến lược thu hút tài trợ; thiết kế hiệu quả các đề xuất xin tài trợ; khai thác tối đa các mối quan hệ nhằm xin tài trợ; đánh giá hiệu quả xin tài trợ; các khía cạnh pháp lý, đạo đức và một số vấn đề đặc biệt liên quan tới việc xin tài trợ, gây quỹ.

11.92. Thực tập 1 (Thực tập tổng hợp): 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn khoa học du lịch.

Học phần giúp người học củng cố những kiến thức lý luận đã được học; người học được làm quen và rèn luyện nhiều kỹ năng và nghiệp vụ mang tính chất tổng hợp để có khả năng triển khai các công việc trong thực tế nghề nghiệp ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành.

11.93. Thực tập 2 (Thực tập chuyên ngành Quản trị Lữ hành): 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ lữ hành.

Qua học phần này, người học được trực tiếp tác nghiệp các nội dung nghiệp vụ trong việc xây dựng chương trình du lịch; tổ chức định giá và thực hiện các chương trình du lịch; các nghiệp vụ thiết lập quan hệ và hợp tác trong kinh doanh lữ hành; cách thức tổ chức các hoạt động marketing, phát triển thị trường khách, hệ thống kênh phân phối của các doanh nghiệp lữ hành.

11.94. Thực tập 2 (Thực tập chuyên ngành Quản trị Khách sạn): 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Quản trị lễ tân và buồng.

Người học chủ động tiếp cận môi trường thực tế (khách sạn, cơ sở thực tập) để thực hiện các thao tác, kỹ năng nghiệp vụ cụ thể liên quan tới nghề nghiệp như: nhận đặt phòng; làm thủ tục check-in, check-out; xử lý tình huống...; bày bàn theo thực đơn; kỹ thuật phục vụ đồ ăn kiểu Âu, kiểu Á; nghiệp vụ tiệc; nghiệp vụ phục vụ đồ uống; kỹ thuật pha chế cocktail...; một số kỹ thuật cơ bản như: làm vệ sinh phòng khách, làm vệ sinh khu vực công cộng...

11.95. Thực tập 2 (Thực tập chuyên ngành Quản trị Sự kiện): 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực hành lập dự án sự kiện.

Người học được trực tiếp tác nghiệp các nội dung nghiệp vụ trong việc xây dựng ý tưởng, kịch bản, tổ chức định giá và thực hiện các sự kiện, các nghiệp vụ thiết lập quan hệ và hợp tác trong kinh doanh sự kiện, cách thức tổ chức các hoạt động truyền thông và marketing, phát triển thị trường...

11.96. Thực tập 3 (Thực tập tốt nghiệp): 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập chuyên ngành Quản trị Lữ hành/ Thực tập chuyên ngành Quản trị Khách sạn/ Thực tập chuyên ngành Quản trị Sự kiện

Người học biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn, trực tiếp tác nghiệp các nội dung nghiệp vụ theo yêu cầu của giảng viên; hoàn thành đầy đủ và chính xác các yêu cầu của cơ sở thực tập cả về mặt chuyên môn, kỉ luật lao động và ý thức trách nhiệm.

11.97. Khóa luận tốt nghiệp: 6 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập tốt nghiệp.

Người học hiểu và biết vận dụng những kiến thức đã học vào một vấn đề lí thuyết hoặc thực tiễn của ngành du lịch: nghiên cứu cơ sở lí luận; khảo sát, thu thập thông tin về vấn đề nghiên cứu; vận dụng các phương pháp nghiên cứu và kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động du lịch để rút ra các kết luận; bước đầu đề xuất các giải pháp, định hướng để giải quyết hoặc hoàn thiện vấn đề nghiên cứu.

(Người học thực hiện khóa luận tốt nghiệp theo kế hoạch của nhà trường).

11.98. Tài nguyên và kinh doanh du lịch: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập tốt nghiệp.

Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch (khái niệm, phân loại, đặc điểm và vai trò của tài nguyên du lịch, khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch); đặc điểm và phân bố tài nguyên du lịch tự nhiên của Việt Nam (địa hình, khí hậu, nước, thế giới sinh vật, cảnh quan); đặc điểm và phân bố tài nguyên du lịch văn hóa (tài nguyên vật thể - di tích lịch sử văn hóa, công trình đương đại, bảo tàng và các tài nguyên vật thể khác; tài nguyên du lịch phi vật thể - lễ hội, văn học, các loại hình diễn xướng truyền thống, phong tục tập quán và các tài nguyên phi vật thể khác); các nội dung liên quan đến kinh doanh trong Kinh tế du lịch, Quản trị kinh doanh lữ hành, Quản trị kinh doanh khách sạn, Quản trị sự kiện...

11.99. Quản lí và bảo vệ môi trường du lịch: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập tốt nghiệp.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường du lịch; bảo vệ môi trường du lịch; các thuật ngữ liên quan như BOD, COD, coliform, CFC, kinh tế môi trường...; pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường du lịch; biến đổi khí hậu: hiện tượng anhino, lanhina, nước biển dâng, các kịch bản nước biển dâng ở Việt Nam; tác nhân gây ô nhiễm, nguồn xả thải; ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm đất...; bảo vệ môi trường trong các cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống, khu vui chơi giải trí, trong vận chuyển khách du lịch; một số biện pháp khắc phục tác động tiêu cực của hoạt động du lịch đối với môi trường: biện pháp hành chính, biện pháp tuyên truyền, biện pháp kinh tế.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Quy định chung

- Căn cứ thực hiện chương trình: Luật Giáo dục, các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; Quy chế, kèm theo các Quyết định có hiệu lực của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; các Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; chế độ công tác giảng viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lí đối với cán bộ, giảng viên.

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành được thiết kế theo hình thức tín chỉ (theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và tuân thủ theo hướng dẫn số 502/HD-ĐHTTr ngày 02/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc xây dựng, cập nhật, đánh giá, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của một số trường Đại học, Cao đẳng hiện đang đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

- Chương trình được xây dựng theo hướng tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, nâng cao các năng lực thực hành và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cho người học, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau khi ra trường có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

- Khi thực hiện nội dung chương trình, các phòng, khoa, trung tâm, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt. Nếu có những nội dung cần thay đổi, phải có ý kiến đề xuất và được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các khoa, trung tâm, tổ bộ môn xây dựng đầy đủ, đảm bảo chất lượng hệ thống đề cương bài giảng, ngân hàng dữ liệu, để tạo điều kiện cho tất cả các môn học tổ chức giảng dạy theo hướng tích cực hóa các hoạt động của người học, đặc biệt là hướng dẫn người học tự đọc, tự nghiên cứu tài liệu.

+ Cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu: tài liệu, giáo trình, thiết bị dạy học.

+ Tăng cường hoạt động tự nghiên cứu, hình thức giao nhiệm vụ cho người học và tổ chức học tập, hoạt động theo nhóm.

- Về phương pháp dạy học, ngoài việc sử dụng những phương pháp phổ biến thuộc nhóm dạy học dùng ngôn ngữ như phương pháp thuyết trình, phương pháp đàm thoại và nêu vấn đề..., cần đặc biệt chú ý nhóm các phương pháp trình bày trực quan, phương pháp thực hành, phối hợp các phương pháp dạy học đặc thù, phù hợp với mục đích, nội dung và điều kiện dạy học, theo các định hướng sau:

+ Tổ chức việc dạy và học theo yêu cầu phát huy vai trò định hướng của người dạy và tính chủ động, tích cực của người học; giúp người học phát triển tính tự lực, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm thông qua các nhiệm vụ học tập, đồng thời phát triển khả năng cộng tác, làm việc nhóm;

+ Đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ giữa đào tạo lý thuyết và thực hành, thực tế; thông qua hoạt động thực hành, thực tế hình thành cho người học những kỹ năng cơ bản thuộc chuyên ngành đào tạo, rèn luyện tác phong lao động nghề nghiệp cho người học;

+ Giúp người học làm quen với việc giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi chuyên môn, một số vấn đề phức hợp trong mối liên hệ với các lĩnh vực liên quan.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên lên lớp phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù của ngành, của từng đơn vị và phải được Lãnh đạo Trường duyệt trước khi thực hiện.

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm, mỗi năm học được chia thành 2 học kì; thời gian thực học của mỗi học kì là 18 tuần (trong đó có 3 tuần ôn và thi kết thúc môn học).

- Trong từng năm học có thể tổ chức học thêm học kì phụ (trong kì nghỉ hè) nếu xét thấy cần thiết.

- Cuối khóa, người học làm khóa luận tốt nghiệp để bảo vệ khóa luận hoặc học hai học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và thi kết thúc hai học phần đó.

12.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần

Kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ chủ quản và quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

12.3. Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

Hướng dẫn xét tốt nghiệp và điều kiện công nhận tốt nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ chủ quản và Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

PGS.TS. Nguyễn Bá Đức